

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Cửa hàng xăng dầu và khu dịch vụ thương mại Lộc An tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy của Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh thương mại Lộc An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1978/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Cửa hàng xăng dầu và khu dịch vụ thương mại Lộc An tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy;

Xét Văn bản số 4124/STNMT-BVMT ngày 15/5/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Cửa hàng xăng dầu và Khu dịch vụ thương mại Lộc An tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 765/Tr-STNMT ngày 06/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cửa hàng xăng dầu và khu dịch vụ thương mại Lộc An tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh thương mại Lộc An (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã

Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cửa hàng xăng dầu và khu dịch vụ thương mại Lộc An tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy của Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh thương mại Lộc An thực hiện tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy, Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh thương mại Lộc An và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Cẩm Ngọc (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Cửa hàng xăng dầu và khu dịch vụ thương mại Lộc An tại xã Cẩm Ngọc,
huyện Cẩm Thủy của Công ty TNHH sản xuất kinh doanh thương mại Lộc An

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Cửa hàng xăng dầu và khu dịch vụ thương mại Lộc An tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy.
- Địa điểm thực hiện: xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH sản xuất kinh doanh thương mại Lộc An.
- + Người đại diện: Ông Lại Phi Hùng; Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ: Tầng 1 số 175 Trần Phú, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

a. Phạm vi

Khu đất thực hiện dự án có diện tích 5.971 m². Ranh giới khu vực thực hiện dự án có các hướng tiếp giáp như sau:

- + Phía Tây Nam giáp hành lang QL 217;
- + Phía Đông Nam giáp hành lang đường giao thông nông thôn;
- + Phía Đông Bắc giáp đất nông nghiệp;
- + Phía Tây Bắc giáp đất nông nghiệp.

b. Quy mô

Cửa hàng xăng dầu loại III và khu dịch vụ thương mại tổng hợp gồm:

- 4 bể chứa xăng dầu, dung tích 25 m³/01 bể.
- Nhà mái che cột bơm (Ký hiệu 01 trên bản vẽ TMB): Bố trí 06 cột bơm nhiên liệu, trong đó: 02 cột bơm nhiên liệu dầu Diesel và 04 cột bơm nhiên liệu xăng các loại.
- Khu dịch vụ thương mại (3 tầng, diện tích 300m²): mã ngành VSIC: 4661 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Nhà trưng bày bán hàng (01 tầng, diện tích 120 m²).
- Nhà hàng (01 tầng, diện tích 300 m²).
- Nhà hàng 02 (01 tầng, diện tích 300 m²).
- Kho công cụ, dụng cụ (01 tầng, diện tích 120 m²).
- Cửa hàng tiện lợi (01 tầng, diện tích 450 m²).
- Nhà dịch vụ bảo dưỡng xe (01 tầng, diện tích 450 m²).
- Nhà rửa xe (01 tầng, diện tích 150 m²).

c. Công suất

- Công suất tiêu thụ xăng dầu:

+ Xăng các loại: 5.000 lít/tháng tương ứng 60.000 lít/năm;

+ Dầu Diesel: 10.000 lít/tháng tương ứng 120.000 lít/năm;

+ Dầu nhớt các loại: 10.000 lít/năm.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 5.971 m² với các hạng mục công trình sau: Nhà mái che cột bơm (01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 352,5 m²), nhà trưng bày bán hàng (01 tầng, diện tích 120 m²), nhà hàng (01 tầng, diện tích 300 m², sức chứa 50 người), nhà hàng 02 (01 tầng, diện tích 300 m², sức chứa 50 người), kho công cụ, dụng cụ (01 tầng, diện tích 120 m²), nhà vệ sinh (01 tầng, diện tích 72 m²), cửa hàng tiện lợi (01 tầng, diện tích 450 m²), nhà dịch vụ bảo dưỡng xe (01 tầng, diện tích 450 m²), nhà rửa xe (01 tầng, diện tích 150 m²), bể chứa xăng dầu (84,5 m²), bể nước PCCC (58,2 m²) bể nước, bể cát PCCC, bể lắng gạn dầu (9,4 m²), sân đường nội bộ (2.669,10 m²), cây xanh (diện tích 893,5 m²).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Thực hiện dự án phải chiếm dụng khoảng 5.971 m² đất lúa 2 vụ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- *Hoạt động gây tác động xấu đến môi trường giai đoạn thi công:* Chuẩn bị mặt bằng san nền; thi công xây dựng; sinh hoạt của công nhân thi công; vận chuyển đồ thải và nguyên vật liệu thi công; tập kết nguyên vật liệu.

- *Hoạt động gây tác động xấu đến môi trường giai đoạn hoạt động:* Lưu thông của các phương tiện ra vào dự án; lưu chứa xăng dầu, chất thải sinh hoạt của nhân viên, khách hàng.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

a. Quy mô, tính chất của nước thải:

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng khoảng 1,64 m³/ngày.đêm. Trong đó: Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân có lưu lượng 0,82 m³/ngày.đêm; Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân có lưu lượng 0,82 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: Chất hoạt động bề mặt, chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ, dầu mỡ và vi sinh vật gây bệnh,...

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng khoảng 4,0 m³/ngày. Trong đó: Nước thải từ quá trình rửa thiết bị máy móc có lưu lượng 2,0 m³/ngày; Nước thải rửa xe có lưu lượng 2,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- *Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công* 0,034 m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

b. Quy mô, tính chất của khí thải:

Trong giai đoạn thi công xây dựng bụi, khí thải phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, đào đắp san gạt, thi công san nền, thi công các hạng mục công trình, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, trút đổ nguyên vật liệu, trộn vữa bê tông...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂,...

c. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường và nguy hại

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 11 kg/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

- *Chất thải rắn xây dựng*: Thực vật phát quang: 3 tấn; Đất đào bóc hữu cơ: 825,8 m³; Vật liệu rơi vãi (đá, cát,...) khoảng 18,1 tấn; Gạch vỡ khoảng 3,5 tấn; Sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng khoảng 17,3 tấn.

- *Chất thải rắn vệ sinh môi trường*: CTR phát sinh từ hoạt động vệ sinh môi trường: 15,47 kg.

- *Chất thải nguy hại*:

+ Chất thải nguy hại dạng rắn: 67,2 kg/toàn bộ quá trình thi công. Thành phần bao gồm: Giẻ lau dính dầu mỡ, pin, bóng đèn neon,...

+ Chất thải nguy hại dạng lỏng: 22 lít/toàn bộ quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là dầu thải.

3.2. Giai đoạn vận hành:

a. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của nhân viên và khách hàng có lưu lượng khoảng 4,38 m³/ngày.đêm, trong đó: Nước thải rửa tay, chân: 1,71 m³/ngày.đêm; Nước thải vệ sinh: 1,71 m³/ngày.đêm; Nước thải nhà ăn: 0,96 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn không nhiễm dầu có lưu lượng 0,0124 (m³/s). Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Nước mưa chảy tràn nhiễm dầu có lưu lượng 2,5 m³/ngày (ngày có lượng mưa lớn nhất). Thành phần chủ yếu: Chất động bề mặt, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng,...

- Nước thải xúc rửa bể chứa xăng, dầu định kỳ: lưu lượng phát sinh khoảng 5,0 m³/lần rửa (quá trình vệ sinh bồn bể diễn ra 10 năm/lần). Thành phần chủ yếu: bụi sắt thép, bụi đất, dầu mỡ khoáng,...

- Nước thải rửa xe, vệ sinh sàn nhà: 2,1 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: Chất động bề mặt, chất rắn lơ lửng, bụi đất, chất tẩy rửa...

b. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu là: hơi xăng phát sinh từ các đầu bơm, rót xăng; khí CO₂, SO₂, CO,...từ hoạt động của phương tiện ra vào dự án, hoạt động nấu ăn, máy phát điện, hoạt động xử lý môi trường. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án.

c. Quy mô, tính chất của chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 75,0 kg/ngày.đêm. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt gồm: Đồ ăn thừa, cành cây, lá cây, giấy các loại,...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng phát sinh khoảng 5 kg/ngày.đêm.

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng chăm sóc xe: Chủ yếu là bao bì đựng các thiết bị phụ tùng, công tắc, còi, dây đai, chổi lau... hư hỏng trong khu vực sửa chữa.

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động vệ sinh môi trường: Chủ yếu là bùn thải từ quá trình nạo vét khơi thông cống rãnh thoát nước; bùn từ bể tự hoại, lượng phát sinh không nhiều.

- Chất thải nguy hại:

+ Chất thải rắn nguy hại: Khối lượng khoảng 215 kg/năm, chủ yếu là giẻ lau dính dầu, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin hết công năng sử dụng; hộp mực in quá hạn sử dụng, bộ lọc dầu, các chi tiết, bộ phận của phanh có amiăng, bao bì cứng bằng kim loại thải có chứa hóa chất, dung môi hữu cơ, bao bì mềm có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại, bao bì cứng thải bằng nhựa thải chứa hóa chất, dung môi hữu cơ, chất thải lây nhiễm bao gồm cả chất thải sắc nhọn...

+ Cát thay bể xử lý nước thải nhiễm dầu: Khối lượng khoảng 01 tấn/3 tháng.

+ Chất thải lỏng nguy hại là cặn xăng dầu và nước rửa bể chứa xăng dầu từ quá trình xúc rửa bể chứa xăng dầu: 10 năm tiến hành xúc rửa 01 lần tương ứng với 5m³/10 năm.

+ Dầu thải từ quá trình bảo trì bảo dưỡng các thiết bị kỹ thuật, bảo dưỡng sửa chữa xe khoảng 400 lít/năm.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

4.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

Hoàn thiện hạ tầng mương thoát nước nội bộ xung quanh khu vực dự án, mương thoát nước nội bộ là mương ngầm, chạy dọc tuyến đường nội bộ dự án bằng hệ rãnh thoát nước có kích thước (BxH) = (30x40)cm trước khi tiến hành thi công xây dựng các công trình dự án.

b. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải từ quá trình rửa tay chân (lưu lượng 0,82 m³/ngày.đêm): Bố trí 01 hố lắng thể tích 3,0 m³ (kích thước 1m x 2m x 1,5 m; lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE chống thấm) để thu gom, xử lý. Nước thải sau đó thoát ra mương thoát nước dọc tuyến đường hiện trạng phía Tây Nam dự án.

- Đối với nước thải vệ sinh (lưu lượng 0,82 m³/ngày.đêm): Thu gom, xử lý bằng 01 nhà vệ sinh di động (kích thước: rộng 1m x dài 2,4m x cao 2,42m

với các thông số kỹ thuật: Kích thước phủ bì: (D x R x C) cm = (135 x 90 x 260)cm; Kích thước lọt lòng mỗi buồng: (D x R x C) cm = (100 x 85 x 200) cm; Dung tích: bồn nước là 400 lít và bồn phân là 1.200 lít. Bố trí tại khu lán trại. Định kỳ 01 ngày/lần đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng tới hút chất thải đem đi xử lý.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Nước thải xây dựng (lưu lượng 4,0 m³/ngày) thu gom về hố lắng 2 ngăn tạm (lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm) dung tích 3 m³/hố (1,0m x 2,0m x 1,5m), để lắng nước thải từ hoạt động rửa xe trước khi chảy ra mương thoát nước nằm dọc tuyến đường giao thông hiện trạng phía Tây Nam dự án, trên bề mặt nước có thanh gạt thu vớt dầu nổi. Dầu nổi đưa vào thùng đựng dầu dung tích 220 lít.

4.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Các máy móc, phương tiện thi công định kỳ bảo dưỡng với tần suất 03 tháng/lần.

- Có kế hoạch thi công hợp lý nhằm hạn chế các thiết bị máy móc thi công hoạt động đồng thời trong cùng một thời điểm.

- Hạn chế tối đa việc vận chuyển vào các giờ cao điểm: 6 - 8 giờ; 11 - 12 giờ, 13 - 14 giờ và 16 - 18 giờ nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường, giao thông và người dân.

- Bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu vực công trường, tuyến đường ra vào dự án (Quốc lộ 217 đoạn qua dự án và một số tuyến đường gần khu vực thực hiện dự án, nơi tập trung phát sinh chất thải có khả năng rơi vãi nhiều nhất) khi thấy có đất, cát vương vãi.

- Cổng ra vào khu vực dự án bố trí trạm rửa xe để tránh bụi đất đá cuốn theo bánh xe làm ảnh hưởng đến tuyến đường bê tông dẫn vào dự án. Tại trạm rửa xe bố trí hố lắng kích thước BxLxH=1x2x1,5m, bề lắng 2 ngăn, thời gian lắng 2h, được xây dựng bằng cách đào hố sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành chống thấm để lắng nước thải từ hoạt động rửa xe trước khi chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Khi phát sinh bụi, sử dụng máy bơm nước có công suất 7,5kw, ống dẫn nước mềm có chiều dài 100m để tưới nước giảm thiểu bụi trong khi thi công sao cho bề mặt cần làm ẩm được tưới đều không tạo ra lầy hóa.

- Khu vực để vật liệu cần được quét dọn sạch trước khi đưa vật liệu về bãi tập kết để hạn chế phát tán bụi từ quá trình bốc xếp, trút đổ.

- Tiến hành phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công. Sử dụng máy bơm và ống dẫn nước mềm dẫn nước từ hố lắng để tiến

hành phun nước. Tần suất phun nước dự kiến 03 lần/ngày và khi phát sinh bụi nhiều trong điều kiện thời tiết khô hanh tần suất tăng lên 06 lần/ngày.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt thu gom vào 3 thùng đựng rác 10 lit/thùng tại khu lán trại. Thùng đựng rác có nắp đậy, tránh mưa, nắng. Thùng được dán nhãn ký hiệu cụ thể 3 loại thùng (Thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; thùng đựng chất thải thực phẩm; thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt khác). Hợp đồng với đơn vị môi trường tại địa phương vận chuyển xử lý theo quy định.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Thực vật phát quang (khối lượng 3 tấn), thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Đất dư thừa từ quá trình bóc phong hóa nền 825,8 m³, đất từ quá trình bóc phong hóa, vận chuyển tới khu vực bãi đổ thải (ao làng Kim) ao không sử dụng có diện tích 512,0 m² chiều sâu đổ thải 2,0m cách khu vực thực hiện dự án 1 km về phía Đông Nam, thuộc xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy.

- Đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng: 473,0 m³ chủ đầu tư phối hợp với nhà thầu thi công tận dụng để đầm nền sân đường nội bộ.

- Vật liệu rơi vãi (đá, cát) khối lượng 18,1 tấn và CTR từ gạch vỡ khối lượng 3,5 tấn tận dụng để làm lớp lót sân đường nội bộ.

- Sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng (khối lượng 17,3 tấn): thu gom và tận dụng làm phế liệu, phần thừa còn lại là các thành phần như ván gỗ chủ đầu tư thuê đơn vị môi trường có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Đối với chất thải rắn nguy hại (khối lượng 67,2 kg): Trang bị 05 thùng chứa chất thải nguy hại có thể tích 50 lit/thùng để chứa trước khi chuyển cho đơn vị chức năng đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật, các thùng được dán nhãn, phân loại các loại chất thải theo quy định. Sau khi kết thúc quá trình thi công xây dựng chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị có chức năng đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với chất thải lỏng nguy hại (khối lượng 22 lít): trang bị 01 thùng đựng dung tích 220 lít/thùng đặt tại khu vực lán trại, thùng có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo đúng quy định tại khu vực bảo dưỡng để chứa chất thải lỏng nguy hại sau đó định kỳ 06 tháng/lần được đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý theo đúng quy định.

4.2. Giai đoạn vận hành:

4.2.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước mưa trên mái: Thu gom vào các ống đứng thoát nước mưa đặt

xung quanh trên mái, sau đó đổ vào các hố ga của hệ thống thoát nước sân nhà. Nước mưa chảy tràn của dự án chảy qua rãnh thoát nước D600, sau đó nước mưa được thoát ra hệ thống mương thoát nước dọc tuyến đường hiện trạng phía Tây Nam dự án.

- Nước mưa nhiễm dầu được dẫn theo hệ thống mương BTCT B300 chảy vào hệ thống xử lý nước thải nhiễm xăng dầu. Tại miệng cống đầu vào của hệ thống xử lý nước thải nhiễm xăng dầu có bố trí van chặn để đảm bảo lưu lượng nước mưa dẫn vào hố lắng trong 15 phút đầu của trận lớn nhất (nước mưa có nguy cơ nhiễm xăng dầu), sau 15 phút công nhân sẽ đóng van chặn dẫn nước mưa vào bể xử lý nước thải nhiễm xăng dầu và mở van để nước mưa đi theo hệ thống thoát nước mưa không nhiễm xăng dầu của dự án đi ra mương thoát nước nằm dọc tuyến đường giao thông hiện trạng phía Tây Nam dự án.

Thiết bị xử lý nước thải nhiễm dầu (bể lắng gạn dầu) bao gồm:

+ Ngăn thu vớt dầu: Nước thải nhiễm dầu chảy vào ngăn thu vớt dầu, do dầu nhẹ hơn nước, nổi lên bề mặt tạo thành lớp vớt dầu, được hệ thống gạt đưa sang ngăn chứa vớt xăng dầu. Phần nước còn lại được bơm qua ngăn lắng cát.

+ Ngăn lắng cát: Nước sau khi qua ngăn thu vớt dầu (đã loại vớt dầu) được bơm và phun tưới đều trên bề mặt của ngăn lắng cát gồm 2 lớp: lớp trên cùng là cát có $H=0,75$ m; lớp dưới là sỏi $H=0,25$ m. Tại đây chất rắn, cặn xăng dầu được giữ lại trên bề mặt cát, nước không nhiễm xăng dầu ngấm xuống đáy của ngăn lắng cát đi qua lớp sỏi và thoát ra hệ thống thoát nước chung.

+ Ngăn chứa vớt xăng dầu: Toàn bộ vớt dầu từ ngăn thu vớt dầu được dẫn vào đây, định kỳ 1 tuần 1 lần công nhân thu vớt đưa về kho chứa chất thải nguy hại để lưu giữ.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân được dẫn theo đường ống nhựa PVC $\Phi 140$ được tách rác thô bằng dụng cụ tách rác có sẵn tại vị trí bồn rửa mặt, nhà tắm, sau đó chảy về hố ga và thoát ra mương thoát nước nằm dọc tuyến đường hiện trạng phía Tây Nam dự án.

- Nước thải từ nhà vệ sinh thu gom bằng đường ống kín dẫn về bể tự hoại cải tiến 5 ngăn BASTAF tổng thể tích $7,5 \text{ m}^3$ (số lượng 03 bể) sau đó chảy về hố ga và bể khử trùng (thể tích $1,5 \text{ m}^3$, kích thước $1,0 \times 1,5 \times 1,0 \text{ m}$), cuối cùng chảy ra mương thoát nước chung của khu vực nằm phía Tây Nam dự án.

Kết cấu bể: Đáy bể bằng BTCT Mác 250 dày 25cm; tường xây bằng gạch Tuynel dày 22cm, VXM Mác 100; trát tường vữa Mác 150; nắp bằng BTCT dày 20cm, VXM Mác 250.

- Nước thải ăn uống xử lý sơ bộ qua 1 bể tách dầu mỡ inox có dung tích $0,02 \text{ m}^3$ tự chảy qua ống thoát nước bằng PVC D150 đặt dọc trong hộp kỹ thuật rồi qua các hố thu, hệ thống rãnh thoát nước ngoài nhà BTCT B300 sau đó đầu nối vào bể khử trùng của dự án để xử lý trước khi thoát ra hệ thống tiêu thoát nước chung của khu vực nằm phía Tây Nam dự án.

- Nước thải từ quá trình xúc, rửa bể chứa xăng, dầu: thuê đơn vị chức năng trong lĩnh vực xúc rửa bồn bể để thi công (công nhân làm việc tại dự án

không tự xúc rửa bồn bể), toàn bộ nước thải này thuê đơn vị có chức năng trong việc thu gom chất thải nguy hại đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật.

- Nước thải từ quá trình rửa xe được dẫn vào thiết bị xử lý nước thải nhiễm dầu (bể lắng gạn dầu) để xử lý sau đó theo hệ thống thoát nước mưa không nhiễm dầu của dự án ra mương thoát nước phía Tây Nam dự án.

4.2.2. Về bụi, khí thải:

- Biện pháp giảm thiểu hơi xăng từ quá trình nạp liệu: Khi xe xitec vào bãi đỗ để nạp hàng tại cửa hàng xăng dầu, dùng ống mềm nối vào vị trí hòng chờ hơi thu hồi của xe xitec và hòng chờ hơi phát sinh từ bể chứa tại cửa hàng xăng dầu. Trong quá trình nạp hàng, xăng dầu được dẫn theo ống mềm từ xitec vào bể ngầm của cửa hàng và đổ đầy thể tích trống của bể chứa đồng thời đẩy hơi xăng dầu từ bể chứa thoát ra theo đường ống van thở. Nhờ việc điều chỉnh áp lực dương của van thở lại xe xitec và không phát thải ra ngoài qua van thở. Khi nạp xăng dầu vào bể phải sử dụng phương án nạp kín.

- Để hạn chế hơi xăng dầu phát sinh tại miệng ống xuất xăng dầu vào phương tiện giao thông trang bị gioăng cao su bao quanh ống xuất. Khi ống xuất đưa nhiên liệu vào cổ nạp của oto, xe máy xitec gioăng cao su có nhiệm vụ lấp đầy khoảng cách trống còn lại giữa ống xuất xăng dầu và miệng cổ bồn chứa.

- Trang bị bảo hộ lao động khẩu trang, kính mắt, mũ, gang tay cho nhân viên để hạn chế tiếp xúc hơi xăng dầu phát sinh.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

- Áp dụng biện pháp ứng phó sự cố rò rỉ xăng dầu như dùng cát, mùn cưa, giấy thấm dầu để thu xăng dầu, hạn chế sự phát tán của xăng dầu cũng như hơi xăng.

- Các phương tiện vận chuyển nhiên liệu tại kho xăng dầu đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo “Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ”.

- Xe bồn vận chuyển sản phẩm xăng, dầu ra vào khu vực dự án phải tuân thủ theo đúng nội quy quy định như: các phương tiện vận chuyển không đi nhanh trong khu vực dự án, đậu kín, khóa chặt nắp thùng sau khi xuất nhiên liệu và kiểm tra trước khi di chuyển,...

- Xe đến đổ nhiên liệu tại dự án yêu cầu dừng hoàn toàn từ khi bắt đầu nạp liệu đến khi kết thúc hoạt động nạp liệu. Yêu cầu khách đến giao dịch tại dự án trong quá trình xuất liệu không sử dụng thiết bị đánh lửa (hút thuốc,...), không nghe gọi điện thoại tại khu vực nhà che cột bơm nhiên liệu, khu bồn bể chứa nhiên liệu đặc biệt khi trời mưa bão.

- Điều tiết lưu lượng phương tiện ra, vào dự án cho phù hợp, không được vượt quá lưu lượng tối đa có thể tiếp nhận của dự án.

- Đối với khu vực nhà bếp được ngăn cách với khu vực nhà ăn, phòng ăn và trang bị bộ phận hút, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường.

- Lập kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống thu gom,

thoát nước của khu vực để hạn chế mùi phát sinh do nước tù đọng.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Trang bị thùng kích thước 5-20 lít dán nhãn quy định cụ thể (Thùng chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; thùng chứa chất thải thực phẩm; thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt khác) đặt tại khu vực nhà bán hàng, nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm, nhà hàng, nhà dịch vụ bảo dưỡng, chăm sóc xe, cửa hàng tiện lợi.

Cuối ngày thu gom chất thải rắn sinh hoạt về 3 thùng đựng rác có nắp đậy kín, thể tích 100 lít/thùng (Thùng chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; thùng chứa chất thải thực phẩm; thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt khác) đặt tại điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt nằm phía Đông Nam dự án để công nhân vệ sinh môi trường đến thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh tại dự án được thu gom vào 3 thùng đựng rác thể tích 50 lít. Thùng chứa đặt tại kho lưu giữ chất thải rắn thông thường có diện tích 15 m² nằm trong nhà kho cửa hàng tiện lợi nằm phía Đông Nam dự án.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Đối với chất thải rắn nguy hại: Thu gom về 8 thùng chứa rác thải nguy hại thể tích 50 lít.

- Đối với chất thải rắn nguy hại là cát thay từ bể xử lý nước thải nhiễm dầu, thu gom vào 2 thùng chứa loại 220 lít/thùng.

Thùng chứa được đặt tại nhà kho của cửa hàng tiện lợi. Chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, đem CTNH đi xử lý theo quy định của pháp luật, định kỳ 6 tháng 1 lần

- Đối với chất thải lỏng nguy hại là dầu thải từ quá trình bảo trì bảo dưỡng các thiết bị kỹ thuật, bảo dưỡng sửa chữa xe chứa trong 02 thùng chứa CTR loại 220 lít/thùng đặt tại kho chứa CTNH. Nước rửa bể chứa xăng dầu có hàm lượng dầu cao, chủ đầu tư thuê đơn vị có chức năng thực hiện xúc rửa định kỳ và vận chuyển nước thải đem đi xử lý theo nguồn chất thải lỏng nguy hại.

Kho chứa có diện tích 15m² được bố trí tại nhà kho của cửa hàng tiện lợi nằm phía Đông Nam dự án. Kho chứa có cửa và lối đi riêng, nền kho đảm bảo cho việc chứa hàng hóa không bị hư hỏng cũng như bảo đảm kín khít, không rạn nứt.

4.2.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Khi có sự cố rò rỉ xăng dầu chủ đầu tư thực hiện lập phương án ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu; Quyết định số 4487/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 49/2022/QĐ-

UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Trang bị thiết bị PCCC theo đúng tiêu chuẩn được cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt bao gồm:

STT	Thiết bị, phương tiện	Đơn vị	Số lượng
1	Thùng cát 1 m ³	Thùng	2
2	Xẻng	Chiếc	4
3	Chăn sợi	Chiếc	8
4	Bình chữa cháy ABC - 8kg	Bình	30
5	Bình chữa cháy CO ₂ - 5kg	Bình	15
6	Chăn chiên chữa cháy	Chiếc	3
7	Bình chữa cháy ABC - MFZL8	Bình	4
8	Bình chữa cháy xe đẩy MFZL35	Bình	1
9	Hộp đựng phương tiện phá dỡ (1 rìu cứu nạn trọng lượng 2kg, 1 xà beng dài 100cm, 1 búa tạ nặng 5kg dài 50cm, 1 kìm cộng lực dài 60 cm).	Bộ	1
10	Tiêu lệnh, nội quy và biển báo	Cái	-

5. Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Công trình bảo vệ môi trường	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bể tự hoại cải tiến Bastaf (thể tích 7,5m ³)	Bể	03
2	Bể tách dầu mỡ (thể tích 0,02 m ³)	Bể	01
3	Bể khử trùng (thể tích 1,5m ³)	Bể	01
4	Thiết bị xử lý nước thải nhiễm dầu	HT	01
5	Thùng đựng rác 5 lít	thùng	03
6	Thùng đựng rác 10 lít	thùng	15
7	Thùng đựng rác 10 lít	thùng	03
8	Thùng đựng rác 50 lít	thùng	03
9	Thùng đựng rác 100 lít	thùng	03
10	Kho chứa CTR thông thường có diện tích 15 m ² .	Nhà	01
11	Thùng đựng chất thải nguy hại loại 50 lít	Cái	08
12	Thùng đựng chất thải nguy hại loại 220 lít	Cái	02
13	Kho chứa CTNH diện tích 15m ²	Nhà	01

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm

thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.